

thuận lợi cho việc nghiên cứu tạo giống con lai cá mè.

4) Cải tiến tổ chức sản xuất giống.

Vấn đề này có ý nghĩa đặc biệt đối với việc thúc đẩy quá trình thuần hóa và phát huy tác dụng của 2 loài cá mới. Trong những năm qua, chúng ta đã xây dựng quá nhiều các trại cá giống, chủ yếu là để sản xuất cá mè, cá trắm. Chưa kể số cơ sở sản xuất giống ở hợp tác xã và liên doanh nuôi cá của xã, toàn miền Bắc có tới gần 150 trại quốc doanh cá giống. Gần đây, tuy con số này đã giảm bớt, nhưng giảm chưa đáng kể. Cần thiết phải giảm rất nhiều số trại đang có hiện nay, đi đôi với việc củng cố, tổ chức hợp lý hơn lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật; bổ sung và cải tiến trang bị, thiết bị, bảo đảm các phương tiện vận chuyển và phân phối cá giống kịp thời đến những nơi nuôi cá thịt. Nếu cần

thiết, phải mở rộng thêm diện tích cho những trại xét thấy phải để lại. Những việc làm như thế sẽ có tác dụng tốt đến năng suất, giảm giá thành và tăng gấp bội sản lượng cá giống, mặt khác còn tạo điều kiện thực hiện tốt các biện pháp cải tạo chất lượng đàn cá nuôi.

Vừa qua, chúng ta chỉ mới chú ý nhân giống cung cấp cho các ao, hồ tự nhiên và nhân tạo. Năm 1967, tổ chức thả cá mè, cá trắm con ra sông Hồng nhưng số lượng không đáng kể. Trong thời gian tới, cần phải nghiên cứu vấn đề thả cá giống ra hệ thống sông Hồng và các sông khác với qui mô thích hợp để tăng sản lượng cá sông, đồng thời thúc đẩy giai đoạn "tự nhiên hóa" — khâu cuối cùng của thuần hóa. Trong thành phần cá bột sông Hồng hiện tại, rải rác đã có cá mè hoa và cá trắm cổ. Đây là dấu hiệu cho thấy các loài cá mới đã tìm thấy những bãi đẻ tự nhiên trên sông của miền Bắc nước ta.

BẢN THÊM VỀ VẤN ĐỀ DÙNG LỊCH TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

NGUYỄN THUYẾT

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của các hoạt động xã hội là bảo đảm đủ lương thực và thực phẩm cho nhân loại. Từ ngàn xưa, nông nghiệp vẫn là ngành chủ yếu gánh vác nhiệm vụ nặng nề ấy. Tuy nhiên nhiều ngành khác cũng giữ những vai trò không nhỏ, do bị ràng buộc trong mối quan hệ:

ĐẤT — NƯỚC — KHÍ HẬU và THỜI TIẾT — CÂY TRỒNG — GIA SÚC

Gần đây ta đã bàn nhiều đến việc xác định một cơ cấu trồng trọt và chăn nuôi hợp lý. Điều này liên quan trực tiếp tới những qui luật tác động qua lại trong mối quan hệ trên, mà một trong những khâu quan trọng nhất là xác định loại hình khí hậu của miền Bắc nước ta.

Lịch tuy không phải là một điều kiện tự nhiên tác động đến kết quả của sản xuất,

song kinh nghiệm thực tế cho thấy, cần phải hiểu biết sâu sắc về lịch thì việc sử dụng nó trong sản xuất nông nghiệp mới tránh gây ra những khó khăn lớn.

Trước hết chúng tôi muốn nêu một số ý kiến riêng trong quan niệm về lịch. Hiện nay chúng ta thường dùng từ "LỊCH" trong nhiều trường hợp rất khác nhau, song tựu trung có thể xếp thành hai loại ý nghĩa khác nhau. Một loại với ý nghĩa là hệ đếm thời gian theo cách phân thành những đơn vị thời gian có chu kỳ nhất định như các loại Âm lịch, Dương lịch. Một loại với ý nghĩa là một bản qui ước về trình tự thực hiện một công việc nào đó trong một khoảng thời gian cụ thể nhất định như lịch công tác, nông lịch, lịch sản xuất v.v... Tóm lại, từ "lịch" luôn gắn với ý nghĩa sắp xếp thứ tự thời gian.

Lịch với ý nghĩa là hệ đếm thời gian có thể được định nghĩa như sau:

« Lịch là bản ghi kết quả của phương pháp phân chia và sắp xếp các đơn vị thời gian thành một hệ đếm, sao cho phù hợp với các hoạt động xã hội. »

Thời gian là một đại lượng liên tục, diễn theo một chiều, không có điểm dừng, vì vậy việc phân chia thành các đơn vị đều dựa vào những qui luật thiên nhiên có nhịp điệu tuần hoàn. Ba hiện tượng thiên nhiên, xuất xứ từ 3 luật chuyển động cơ học của Trái đất và Mặt trăng được chọn làm chuẩn cho 3 đơn vị thời gian là:

— Hiện tượng sáng, tối (kết quả của sự tự quay quanh trục của Trái đất) là chuẩn của đơn vị Ngày.

— Hiện tượng tuần trăng tròn, khuyết (kết quả của sự quay quanh Trái đất của Mặt trăng) là chuẩn của đơn vị Tháng thái âm.

— Hiện tượng các mùa khí hậu (kết quả của sự quay quanh Mặt trời của Trái đất) là chuẩn của đơn vị Năm mặt trời.

Ngày là đơn vị đếm cơ bản của mọi loại lịch, còn Âm lịch và Dương lịch khác nhau ở chỗ chọn đơn vị cơ sở làm gốc để thiết lập hệ đếm. Âm lịch chọn Tháng thái âm và Dương lịch chọn Năm mặt trời. Rõ ràng, Âm lịch hay Dương lịch đều có cơ sở khoa học, nhưng tính khoa học của một loại lịch không phải chỉ ở chỗ nó có cơ sở khoa học hay không, mà còn phải xét đến nhiều khâu khác. Chẳng hạn, việc tính các ngày mốc (ngày đầu tháng) có đơn giản, dễ tính không? Việc sắp xếp thành hệ đếm có liên tục, nhất quán và ổn định hay không? Nhưng tính khoa học quan trọng hơn cả của một loại lịch là ở chỗ nó có phù hợp với những hoạt động xã hội hay không? Mặt khác, tiêu chuẩn phù hợp với những hoạt động xã hội của lịch là ở chỗ nó phải thay đổi một khi cơ cấu tổ chức và kinh tế của xã hội thay đổi, chứ nó không phải là một bảo vật thiêng liêng, bất biến, tồn tại vĩnh viễn từ thời đại này qua thời đại khác.

Như vậy, khi chọn công lịch, Nhà nước không thể chỉ căn cứ vào yêu cầu của sản xuất nông nghiệp mà phải chú ý đến nhu cầu của mọi hoạt động xã hội. Do đó quyết định 121/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành tháng 8/1967, đã qui định Dương lịch Grêgôri-ên là công lịch của nước ta, vì rằng Âm lịch cổ truyền khó tính, khó nhớ; hệ đếm thời gian lại không nhất quán (tháng nào 29, tháng nào 30 ngày, không có qui ước ổn định); không liên tục (có tháng nhuận) nên không phù hợp với những hoạt động xã hội ngày nay. Nhưng lịch Grêgôri-ên cũng chưa phải là

loại lịch hoàn mỹ, hơn nữa khí hậu nước ta lại có tính biến động lớn, nên vấn đề định thời vụ vẫn chưa thỏa đáng. Tuy nhiên, có cần đặt vấn đề xây dựng một kiểu lịch dùng riêng cho sản xuất nông nghiệp không thì còn phải thảo luận. Trong bài này chúng tôi sẽ nêu ý kiến riêng của mình.

Còn với ý nghĩa thứ hai, thì lịch chỉ là một bản kế hoạch thời gian của một công việc cụ thể.

Như vậy theo chúng tôi, thuật ngữ « lịch khí hậu nông nghiệp » là không chuẩn, không có nội dung cụ thể. Vì nếu chỉ nhằm mục đích phục vụ cho bộ môn khí hậu nông nghiệp thì lịch khí hậu nông nghiệp (nếu có), đương nhiên không thể mang ý nghĩa là một hệ đếm thời gian phù hợp với các hoạt động xã hội, mà chỉ là một bản kế hoạch thời gian (dựa vào một hệ đếm thời gian qui định nào đó) của công tác khí hậu nông nghiệp. Nhưng, khí hậu nông nghiệp là một bộ môn khoa học nghiên cứu những biện pháp nhằm khai thác tài nguyên khí hậu một cách hợp lý áp dụng vào sản xuất nông nghiệp, nên không thể có lịch qui định công việc ổn định hằng tháng trong 1 năm. Do đó không thể có loại lịch khí hậu nông nghiệp. Còn nếu có bản ghi những đặc trưng khí hậu của mỗi tháng thì chỉ coi là « lịch khí hậu » (hiểu từ lịch với ý nghĩa là trình tự diễn biến của khí hậu theo thời gian), hoặc có bản ghi các công việc phải làm của canh tác nông nghiệp thì đó là « nông lịch » hay « lịch thời vụ nông nghiệp ».

Vậy thì « lịch 24 tiết » là lịch gì ?

Ở đây chúng tôi hiểu về ý nghĩa và nguyên tắc xây dựng lịch 24 tiết khác với tác giả bài báo « Bàn về lịch 24 tiết — lịch khí hậu nông nghiệp ở miền Bắc nước ta. » (1) từ đó cách nhận định về ưu, khuyết điểm của lịch này cùng với việc cải tiến nó (nếu cần) cũng khác với tác giả bài báo trên. Không phải xuất xứ của 24 tiết là do các nhà thiên văn cổ Trung-quốc chia mỗi mùa khí hậu ra làm 6 tiết, mà thực ra 24 tiết là các thời điểm mà mặt trời ở những vị trí cố định trên Hoàng đạo. Đó là những vị trí lúc Mặt trời bắt đầu đi vào và ở chính giữa một cung Hoàng đạo. Tên của các ngày tiết nói lên đặc trưng trung bình của khí hậu của tiết chứa ngày tiết đó, chứ không phải chỉ thời tiết của ngày tiết đó. Còn tiết là khoảng thời gian nào, ngày tiết là ngày đầu hay ngày giữa của một tiết, lại là một vấn

(1) Phạm Việt Trinh — Tạp chí Hoạt động khoa học, số 1-1975.

đề cần tìm hiểu thêm. Rõ ràng, lịch 24 tiết không hề có nhược điểm "không nhất quán về xây dựng tiết" như tác giả bài báo đã nhận định. Thực chất lịch 24 tiết là một loại Dương lịch vì cơ sở của nó là dựa vào 24 vị trí cố định của Mặt trời trên Hoàng đạo, tức là dựa vào qui luật di chuyển của Trái đất quanh Mặt trời, hay nói một cách khác là chọn đơn vị Năm mặt trời làm gốc để thiết lập hệ đếm. Nếu ta chỉ i rằng trong Dương lịch Grêgôriên, tháng chỉ là một đơn vị trung gian qui ước (không bằng một chu kì tự nhiên nào), thì ta thấy có thể hiểu một tiết trong lịch 24 tiết là một đơn vị trung gian qui ước thay cho tháng trong lịch Grêgôriên.

Chúng tôi trở lại vấn đề: có cần xây dựng một lịch riêng cho sản xuất nông nghiệp không? Trong sản xuất nông nghiệp, lịch chỉ là một hệ qui chiếu thời gian để xác định thời vụ, chứ không phải là một biện pháp kĩ thuật. Muốn xác định được thời vụ tốt, trước hết phải xác định tốt những chỉ tiêu khí hậu nông nghiệp. Vì thế, một loại lịch phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp phải là "một tấm gương phản ánh đầy đủ và chính xác bức tranh khí hậu". Nhưng đó chỉ là một « ước mơ », nhất là đối với nước ta, không thể xây dựng được một kiểu lịch nào đó có thể phản ánh đúng các qui luật khí hậu. Điều này cũng dễ hiểu, vì khí hậu là kết quả phối hợp hoạt động của các quá trình bức xạ mặt trời, hoàn lưu khí quyển và tuần hoàn nước trên một mặt đệm trái dưới nhất định, trong khi lịch pháp chỉ căn cứ vào qui luật chuyển động của các thiên thể là những nguyên nhân của các qui luật biến đổi các quá trình bức xạ mặt trời. Đành rằng các quá trình hoàn lưu khí quyển phụ thuộc nhiều vào qui luật phân bố bức xạ mặt trời, nhưng sự hoạt động của nó vẫn mang màu sắc riêng do các nhân tố khác chi phối, cộng thêm vào đấy là tác động của địa hình, của mặt đệm làm cho khí hậu một nơi nhiều khi khác rõ rệt khí hậu thiên văn (chúng tôi tạm dùng thuật ngữ này để chỉ cái nền khí hậu của một nơi nếu chỉ tính tác động của bức xạ mặt trời) của nơi đó. Như vậy, bất kì lịch nào, dù là « ưu điểm » nhất cũng chỉ phản ánh được mặt cố định của khí hậu.

Do các điều kiện địa lí tự nhiên, điều kiện khí hậu rất biến động và đa dạng, nên những đặc trưng trung bình tháng 1 ở Hà-nội chỉ phù hợp với không đầy 20% số năm (Phạm Ngọc Toàn — Một số vấn đề về quan điểm khí hậu nông nghiệp; Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6-1974). Vì thế, lại càng không có hi

vọng xây dựng được một kiểu lịch « là tấm gương phản ánh khí hậu của mọi nơi ».

Từ những nhận định trên, chúng tôi nghĩ rằng không hi vọng gì xây dựng được một loại lịch khác có thể phản ánh khí hậu đúng hơn Dương lịch. Do đó không cần xây dựng một phương án lịch riêng cho sản xuất nông nghiệp. Còn đối với lịch 24 tiết, chúng tôi cho rằng nó có tác dụng nhất định đối với sản xuất nông nghiệp vì đã định được một số ngày mốc để dễ nhớ trong việc xác định thời vụ. Vì thế chúng ta có thể duy trì và cải tiến thêm, nhưng không phải là thay hẳn bằng một phương án lịch khác như i kiến đồng chí Phạm Viết Trinh. Ở đây chúng tôi hoàn toàn nhất trí với i kiến của đồng chí Nguyễn Xiển trong cuốn « Vì sao nên dùng Dương lịch »: chúng ta không nên coi các ngày tiết như những ngày gì đặc biệt, khác thường, mà chỉ nên hiểu chúng như những ngày dương lịch khác. Vì thế, với vai trò là những ngày mốc thời gian trong một năm (không riêng gì cho hoạt động nông nghiệp mà cho nhiều hoạt động khác) ta có thể duy trì tên gọi của nhiều ngày tiết trong số 24 đó, mà chỉ cần thay đổi tên của những ngày quá xa lạ với điều kiện thiên nhiên nước ta như Tiểu tuyết, Đại tuyết; hoặc không phù hợp với khí hậu nước ta như Lập xuân, Lập hạ, Lập thu, Lập đông v.v... bằng những tên gọi phù hợp với các hiện tượng thiên nhiên (hiện tượng thiên văn dễ thấy) và điều kiện khí hậu nước ta hơn.

Cuối cùng, chúng tôi phát biểu một số suy nghĩ cá nhân về phương án « lịch khí hậu nông nghiệp » của đồng chí Phạm Viết Trinh. Rõ ràng, từ « lịch » ở đây chỉ có i nghĩa là một bản kế hoạch thời gian thực hiện các công việc nông nghiệp và bản ghi trình tự diễn biến của khí hậu, dùng lịch Grêgôriên làm hệ qui chiếu thời gian. Như vậy có thể coi là một loại lịch hỗn hợp khí hậu và nông nghiệp (chứ không phải là lịch khí hậu nông nghiệp!). Nhưng nội dung của nó thế nào?

Tuy chưa có điều kiện kiểm nghiệm chi tiết, nhưng theo chúng tôi, phương án lịch này bộc lộ những nhược điểm cơ bản về khí hậu và nông nghiệp như sau:

Về khí hậu. Tác giả đã đưa ra một kiểu phân mùa khí hậu thuần túy theo các điều kiện thiên văn, nên đã qui định cụ thể những ngày đầu và giữa của các mùa khí hậu, đối với nước ta điều này hoàn toàn không thể có được. Theo nhận định của các nhà khí hậu học thì qui luật diễn biến các mùa khí hậu ở nước ta rất phức tạp. Qua những nét chung

về diễn biến của thời tiết, ta có thể rút ra những nhận định:

— « Sự phân chia theo mùa của chế độ khí hậu ở miền Bắc nước ta thực chất là quá trình giao tranh và thay thế lẫn nhau của những loại hình thời tiết khác nhau về nguồn gốc và đặc tính... Trong các dạng kết hợp phức tạp với địa hình, sẽ phát triển những sắc thái riêng biệt của từng địa phương.

— Không thấy rõ sự ổn định của chế độ thời tiết mùa ở miền Bắc. Nói một cách khác, mùa khí hậu ở miền Bắc nước ta không thể hiện một đặc tính trung bình nào như ta quan niệm. Tính chất của mùa chỉ nổi rõ trong ưu thế của một loại hình này so với loại hình khác, nhưng trong khi đó vẫn duy trì sự biến động khá mạnh: mùa đông không hoàn toàn rét mà vẫn xen kẽ những ngày nóng; mùa hè thường có những ngày mát dịu; các mùa trung gian chỉ là sự giao tranh giữa các loại hình nóng và lạnh, ít thấy được tính chất « ôn hòa » như ở mọi nơi khác (1).

Như vậy, ở miền Bắc nước ta không những các mùa khí hậu biến động nên không thể qui định các ngày bắt đầu cụ thể cho một mùa, mà còn không thể hiện 4 mùa rõ rệt. Đúng hơn chỉ có hai mùa: mùa nóng (hạ) và mùa lạnh (đông); còn các mùa xuân và mùa thu chỉ là những khoảng thời gian chuyển tiếp ngắn, không rõ nét những đặc trưng riêng biệt. Từ những nhận định trên, ta cũng thấy rằng khó có thể xác định mỗi tháng có một kiểu thời

tiết đặc trưng cho tháng đó tại một nơi, càng không thể xác định một kiểu thời tiết đặc trưng cho mỗi tháng ở tất cả mọi nơi trên miền Bắc. Hơn nữa, trong phương án lịch của tác giả, các kiểu thời tiết đưa ra không có những nét điển hình do đó khó áp dụng vào nông nghiệp (chẳng hạn giữa rét giá, rét ẩm và mưa phùn thì thời tiết khác nhau như thế nào?).

— Về nông nghiệp, nhược điểm cơ bản dễ thấy nhất là phương án lịch này không phù hợp với hướng phát triển nông nghiệp hiện nay ở miền Bắc nước ta. Ta biết rằng, hiện nay chúng ta chủ trương làm vụ lúa xuân thay cho vụ chiêm, vì như thế đạt năng suất cao hơn, đồng thời cũng dễ bố trí thời vụ hơn; nhưng phương án lịch lại nêu mốc thời vụ lúa chiêm (?). Mặt khác, về mặt khí hậu nông nghiệp, ta thấy khó xác định được một thời vụ chung cho toàn miền Bắc. Chúng tôi nhất trí với quan điểm của đồng chí Phạm Ngọc Toàn (1) cho rằng về mặt xác định thời vụ là không thể đưa ra một dự án chung cho mọi nơi trong một phương án lịch.

(1) Phạm Ngọc Toàn. — Một vài ý kiến về vấn đề phân mùa khí hậu ở miền Bắc Việt-nam. Tài liệu tham khảo Khí tượng — vật lý địa cầu 1966 — 1967.

(1) Phạm Ngọc Toàn — Một số vấn đề về quan điểm khí hậu nông nghiệp; Tạp chí Hoạt động khoa học, số 6-1974.